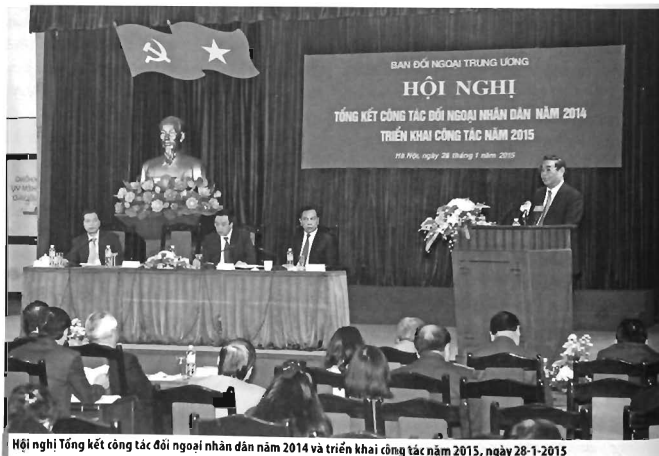


QUÁ TRÌNH ĐẢNG LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG HÓA, ĐA DẠNG HÓA, HỘI NHẬP QUỐC TẾ

PGS, TS PHAN VĂN RÂN

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Đường lối đối ngoại của một nhà nước, quốc gia là tổng thể các quan điểm xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và phương châm chỉ đạo các hoạt động đối ngoại mà quốc gia đó thể hiện trong quan hệ với các nhà nước, quốc gia và các chủ thể khác nhằm bảo vệ lợi ích của quốc gia, dân tộc và của giai cấp cầm quyền trong từng giai đoạn lịch sử. Như vậy, đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam là hệ thống quan điểm về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp, phương châm chỉ đạo hoạt động trong quan hệ quốc tế nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc chân chính, đồng thời góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì mục tiêu của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.



Hội nghị Tổng kết công tác đối ngoại nhân dân năm 2014 và triển khai công tác năm 2015, ngày 28-1-2015

1. Đường lối đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa, hội nhập quốc tế của Đảng trong công cuộc đổi mới

Ngay từ rất sớm, Đảng đã nhận thức rõ tầm quan trọng cũng như tính cấp thiết của việc mở rộng quan hệ đối ngoại nhằm đưa sự nghiệp phát triển đất nước hòa vào trào lưu phát triển chung của thế giới. Tư tưởng đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa và hội nhập quốc tế của Đảng đã được thể hiện rõ nét trong các văn kiện ngoại giao đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong Thư gửi Tổng Thư ký Liên hợp quốc (12-1946), đã long trọng tuyên bố: "Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực", Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình; sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế; chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc¹. Đây là những tư tưởng quan trọng đặt cơ sở cho sự hình thành chủ trương, đường lối đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa, hội nhập quốc tế của nước ta sau này. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, Việt Nam đã không thể thực hiện một cách đầy đủ công cuộc hội nhập quốc tế theo những tư tưởng nêu trên.

Bước vào thời kỳ đổi mới, đứng trước yêu cầu cấp bách phải vượt ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế-xã hội, phá thế bao vây cấm vận của CNDQ và các thế lực thù địch, đường lối đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa và hội nhập quốc tế ngày càng được bổ sung, hoàn thiện, đồng thời được thực hiện tích cực hơn. Đại hội VI của Đảng (1986) mở ra bước ngoặt trong tư duy và thực tiễn lãnh đạo hoạt động đối ngoại của Đảng. Đại hội chỉ rõ: "Muốn kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, nước ta phải tham

gia sự phân công lao động quốc tế; trước hết và chủ yếu là với Liên Xô, Lào và Campuchia, với các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa; đồng thời tranh thủ mở mang quan hệ kinh tế và khoa học - kỹ thuật với các nước thế giới thứ ba, các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi"². Tháng 8-1988, Bộ Chính trị khóa VI đã thông qua Nghị quyết số 13-NQ/TW về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới, chỉ rõ "giữ vững hòa bình, phát triển kinh tế", nhấn mạnh nhiệm vụ ngoại giao phục vụ ổn định chính trị, ưu tiên phát triển kinh tế là hàng đầu, đồng thời bảo vệ Tổ quốc".

Đại hội VII của Đảng (1991) tuyên bố đường lối đối ngoại rộng mở: "Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển", mở ra bước đột phá trong quá trình hội nhập quốc tế của đất nước. Đại hội xác định nguyên tắc cơ bản trong hội nhập quốc tế là: "mở rộng, đa dạng hoá và đa phương hoá quan hệ kinh tế đối ngoại trên nguyên tắc giữ vững độc lập chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi"³. Trên cơ sở nguyên tắc đó, tư duy đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa của Đảng từng bước được bổ sung, làm rõ và cụ thể hơn. Nghị quyết của HNTƯ 3 (khoá VII) ngày 29-6-1992 nhấn mạnh chủ trương mở rộng quan hệ với các tổ chức quốc tế, trong đó "cố gắng khai thông quan hệ với các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế như Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), mở rộng quan hệ với các tổ chức hợp tác khu vực, trước hết ở châu Á - Thái Bình Dương". Theo Quyết định của Bộ Chính trị (số 493 CV/VPTW ngày 14-6-1996), Việt Nam đã gửi đơn xin tham gia Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương (APEC).

Đại hội VIII của Đảng (1996) trong khi nêu rõ đường lối đối ngoại: "Việt Nam muốn là bạn của

tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển” đã đồng thời nhấn mạnh phải mở rộng quan hệ quốc tế, hợp tác nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi.

Bước vào thế kỷ mới, Đại hội IX (2001) của Đảng khẳng định: “Thực hiện nhất quán đường lối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển”¹⁴. Đại hội xác định độc lập tự chủ là cơ sở để thực hiện đường lối đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá, đồng thời nhấn mạnh Việt Nam, không chỉ “sẵn sàng là bạn” mà còn sẵn sàng “là đối tác tin cậy của các nước” và “chủ động hội nhập kinh tế quốc tế”. Đây là sự phản ánh một nấc thang cao hơn trong nhận thức và tư duy về đối ngoại của Đảng trong thời kỳ đổi mới. Nhằm cụ thể hoá đường lối “Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế”, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết 07-NQ/TW (27-11-2001) về hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó làm rõ mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, nội dung và nhiệm vụ cụ thể của hội nhập quốc tế trong lĩnh vực kinh tế.

Đường lối đối ngoại của Đảng tiếp tục được hoàn thiện tại Đại hội X (4-2006). Cùng với việc nhấn mạnh sự cần thiết phải đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững, Đại hội khẳng định quan điểm: “Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác”. Tổng kết 20 năm đổi mới, Đại hội nêu 5 bài học lớn, trong đó bài học thứ ba là bài học về hội nhập kinh tế quốc tế và xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ. Sau khi trở thành thành viên của Tổ chức

Thương mại thế giới (WTO), ngày 5-2-2007, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa X đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW “Về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới” nhấn mạnh bối cảnh mới và những chủ trương, biện pháp hội nhập quốc tế khi tham gia vào sân chơi kinh tế toàn cầu.

Đại hội XI của Đảng (2011) đánh dấu bước phát triển ở một tầm cao mới trong tư duy đối ngoại của Đảng với sự khẳng định: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”¹⁵. Đại hội XI nhấn mạnh: “Nhiệm vụ của công tác đối ngoại là giữ vững môi trường hòa bình, thuận lợi cho đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; nâng cao vị thế của đất nước; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”. Ngày 10-4-2013, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 22-NQ/TW về hội nhập quốc tế. Đây được coi là bước phát triển mới, toàn diện nhất trong nhận thức của Đảng ta về đa phương hóa, đa dạng hóa và hội nhập quốc tế. Nghị quyết nhấn mạnh quan điểm, chủ trương đối ngoại là “Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở giữ vững đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì hòa bình, hợp tác và phát triển, chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế; quán triệt và vận dụng sáng tạo các bài học kinh nghiệm



và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn được tổng kết trong Cương lĩnh¹⁶.

2. Thành tựu của Đảng trong lãnh đạo thực hiện đường lối đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa, hội nhập quốc tế

Sau gần 30 năm Đảng lãnh đạo thực hiện đường lối đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa, hội nhập quốc tế, nước ta đã thu được nhiều thành tựu hết sức quan trọng, thể hiện trên các vấn đề lớn như sau:

Thứ nhất, đã đẩy lùi được tình trạng bị cô lập về chính trị, bao vây về kinh tế, đồng thời mở rộng quan hệ với các quốc gia, kể cả các nước lớn và các trung tâm hàng đầu thế giới. Trong giai đoạn từ 1986-1995, thông qua các hoạt động ngoại giao tích cực, Việt Nam đã phối hợp với tất cả các bên để đi tới một giải pháp chính trị cho vấn đề Campuchia. Việc ký Hiệp định về Campuchia (10-1991) đã chấm dứt tình trạng căng thẳng, đối đầu giữa nước ta với một số nước lợi dụng vấn đề Campuchia để bao vây, cô lập Việt Nam, góp phần khai thông quan hệ giữa nước ta với thế giới bên ngoài. Những hoạt động và thành tựu lớn trong giai đoạn này là: chuyển thăm không chính thức Trung Quốc của đoàn đại biểu cấp cao của Đảng và Nhà nước Việt Nam (1990), Việt Nam và Trung Quốc bình thường hóa quan hệ (11-1991); chủ động mở quan hệ với các nước ASEAN; đấu tranh đòi Mỹ phá bỏ cấm vận và tiến tới bình thường hóa quan hệ với Việt Nam năm 1995... Có thể nói, việc xác định đúng khâu then chốt là vấn đề Campuchia và với các bước đi cụ thể, tích cực, đến năm 1995, Việt Nam đã phá thế bị bao vây, cấm vận, cô lập và bắt đầu mở rộng quan hệ với các nước và các tổ chức quốc tế. Đến năm 1996, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với hơn 160 nước, có quan hệ buôn bán với trên 100 nước và vùng lãnh thổ, các công ty của hơn 50 nước và vùng lãnh thổ đã đầu tư trực tiếp vào Việt Nam.

Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa và hội nhập quốc tế, cho đến hết năm 2014, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 180 nước, trong đó có tất cả các nước lớn; xây dựng khuôn khổ đối tác chiến lược với 13 nước, đối tác toàn diện với 11 nước, trở thành thành viên của nhiều tổ chức và diễn đàn quốc tế như: ASEAN (1995), Diễn đàn hợp tác Á-Âu - ASEM (1996), Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương - APEC (1998)...; giải quyết ổn thỏa nhiều tranh chấp về biên giới, lãnh thổ, biển đảo, giữ vững môi trường hoà bình; chủ động hội nhập quốc tế và khu vực, tranh thủ được nhiều ODA, FDI, mở rộng thị trường ngoài nước; tăng cường ngoại giao đa phương. Thập niên thứ hai của đổi mới và hội nhập quốc tế chứng kiến các sự kiện lớn của ngoại giao Việt Nam như: Việt Nam đã tổ chức thành công Hội nghị cấp cao VII tổ chức Pháp ngữ (1997), Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ VII (1998), Hội nghị cấp cao Diễn đàn Hợp tác Á-Âu V (2004), Hội nghị thượng đỉnh APEC 14 (2006)... Năm 2006, Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới WTO (11-2006), Hoa Kỳ dành cho Việt Nam Quy chế thương mại bình thường vĩnh viễn (11-2006).

Phát huy những thành công của hai thập niên đầu đổi mới, những năm gần đây, đối ngoại Việt Nam tiếp tục đạt được những thành tựu nổi bật như: được bầu làm thành viên không thường trực của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008-2009, đảm nhận thành công vai trò Chủ tịch ASEAN năm 2010 với chủ đề "Hướng tới Cộng đồng ASEAN: Từ tầm nhìn tới hành động". Đặc biệt, cũng trong năm 2010, Việt Nam đã chủ trì thành công Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) Đông Á; tổ chức thành công Hội thảo quốc tế Việt Nam - châu Phi lần thứ hai. Tiếp đó, năm 2012, Việt Nam tổ chức thành công Diễn đàn Việt Nam - Mỹ La-tinh về Thương mại và Đầu tư. Trong

những năm 2013-2014, hoạt động đối ngoại của Việt Nam tiếp tục thu được nhiều kết quả quan trọng và toàn diện. Trong năm 2014, môi trường an ninh và phát triển của đất nước chịu tác động trực tiếp, toàn diện, nhiều chiều từ khó khăn, bấp bênh của kinh tế thế giới và sự bất ổn, khó lường của những biến động chính trị - an ninh thế giới, nhưng bản lĩnh, ý chí kiên cường, trí tuệ của dân tộc Việt Nam đã được phát huy cao độ trong việc nhận diện thời cơ, hóa giải thách thức; bình tĩnh xử lý khôn khéo những vấn đề phức tạp nảy sinh.

Thứ hai, đã tranh thủ được môi trường quốc tế thuận lợi để tập trung phát triển kinh tế - xã hội. Thông qua các hoạt động ngoại giao cụ thể, tích cực, đặc biệt là chú trọng tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác chủ chốt, thúc đẩy hợp tác kinh tế quốc tế, bắt đầu hội nhập chặt chẽ vào nền kinh tế khu vực và thế giới, nước ta đã tranh thủ được nguồn ngoại lực phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Năm 2013, tổng kim ngạch ngoại thương của Việt Nam đã đạt 264 tỷ USD, gấp hơn 1,5 lần GDP, trong đó xuất khẩu: 132,135 tỷ USD; nhập khẩu: 132,125 tỷ USD. Nguồn FDI vào Việt Nam không ngừng tăng. Cho đến nay, có gần 16 nghìn dự án FDI được cấp phép với tổng số vốn đăng ký là trên 244 tỷ USD. Riêng năm 2013, tổng số vốn FDI vào Việt Nam là 22,35 tỷ USD. Nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của các nước và các tổ chức tài chính quốc tế cung cấp cho Việt Nam vẫn tiếp tục tăng với tổng số vốn trên 33 tỷ USD.

Năm 2014, Việt Nam đẩy mạnh triển khai, cụ thể hóa nội hàm, đưa quan hệ hợp tác với các đối tác đi vào chiều sâu với những kết quả rất cụ thể: EU tăng ODA giai đoạn 2014-2020 lên 400 triệu USD; ký Bản ghi nhớ (MOU) 12 tỷ USD với Hàn Quốc để phát triển cơ sở hạ tầng; nâng cấp quan hệ với Nhật Bản lên Đối tác chiến lược sâu rộng; thúc đẩy Hoa Kỳ thông qua Hiệp định hạt nhân dân dụng, tăng cường xúc tiến, thúc đẩy

hợp tác kinh tế - đầu tư ở các địa bàn tiềm năng như Trung Đông (Các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất, Qatar...). Đồng thời, vận động thêm 12 nước công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường, đóng góp vào duy trì tăng trưởng kinh tế và hỗ trợ tái cơ cấu kinh tế; nâng tổng số nước công nhận lên 56 nước. Công tác đối ngoại đa phương được phát triển mạnh và đồng đều ở các lĩnh vực. Đối ngoại đa phương chuyển từ "tham gia" sang "chủ động, tích cực đóng góp, đề xuất các ý kiến", định hình luật chơi. Việt Nam đã đóng góp tích cực cho việc củng cố đoàn kết, phát huy vai trò trung tâm của ASEAN. Năm 2014, lần đầu tiên sau 20 năm, ASEAN ra tuyên bố chung về Biển Đông. Sáng kiến của Việt Nam tổ chức cuộc họp cấp cao ASEAN - EU lần đầu tiên bên lề Hội nghị cấp cao ASEM được đánh giá cao và hưởng ứng tích cực, hai bên đã khởi động lại đàm phán FTA ASEAN - EU. Ngoại giao văn hóa, thông tin đối ngoại và bảo hộ công dân được triển khai hiệu quả trong bối cảnh nội chiến, xung đột, thiên tai, thảm họa xảy ra ở nhiều nơi. Tiến trình hội nhập đa tầng nấc vào nền kinh tế quốc tế có những bước đi mạnh mẽ, nhất là trong các đàm phán khu vực mậu dịch tự do (FTA) với các đối tác quan trọng. Năm 2014, chúng ta đã kết thúc đàm phán FTA với Hàn Quốc và Liên minh hai quan Nga - Belarus, Kazakhstan; thông nhất với EU sớm kết thúc đàm phán FTA Việt Nam - EU trong năm 2015. Những kết quả này góp phần đưa Việt Nam trở thành một trong những điểm quan trọng trong kết nối chiến lược tại khu vực.

Thứ ba, giữ vững được độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, đồng thời từng bước giải quyết được nhiều vấn đề về biên giới trên bộ và trên biển với các nước có liên quan, tạo cơ sở pháp lý và điều kiện thuận lợi để quản lý biên giới, bảo vệ chủ quyền, mở rộng hợp tác quốc tế, góp phần củng cố hòa bình, ổn định trong

khu vực. Thông qua các hoạt động ngoại giao, Việt Nam và Trung Quốc đã ký Hiệp định biên giới trên bộ và hoàn thành việc phân giới cắm mốc trên bộ; ký Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định nghề cá Vịnh Bắc Bộ; ký thỏa thuận về các nguyên tắc cơ bản chi đạo giải quyết vấn đề trên biển. Công tác phân giới cắm mốc giữa Việt Nam với Lào và Campuchia đang được tích cực triển khai trên cơ sở những hiệp định biên giới đã ký kết. Ngoài ra, Việt Nam đã ký các thỏa thuận song phương về hợp tác giải quyết vùng chồng lấn trên biển với từng nước trong khu vực như với Malaixia, Ấn Độ, Philippin, Thái Lan trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi, tạo điều kiện thuận lợi việc mở rộng và tăng cường hợp tác. Đặc biệt, diễn biến trên Biển Đông trong năm 2014 đã tạo thách thức lớn nhất về chủ quyền lãnh thổ của ta trong gần 30 năm qua. Ứng phó với thách thức ngặt nghèo này, chúng ta đã kiên quyết và kiên trì đấu tranh trên nhiều kênh, nhiều cấp, nhiều biện pháp để bảo vệ chủ quyền lãnh thổ. Kết quả này càng khẳng định bản lĩnh đối ngoại khi vẫn giữ vững được môi trường hòa bình, ổn định để phát triển; duy trì quan hệ Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện với Trung Quốc; chủ động thúc đẩy đối thoại và duy trì quan hệ trên các mặt, đáp ứng và phù hợp với nguyện vọng của nhân dân hai nước.

Thứ tư, có những đóng góp tích cực, đầy tinh thần trách nhiệm và mang tính xây dựng cho xu thế hòa bình, hợp tác. Thông qua các hoạt động cụ thể như tổ chức thành công nhiều hội nghị quốc tế: Hội nghị cấp cao Pháp ngữ (1997), Hội nghị cấp cao ASEM (2004), APEC (2006); Chủ tịch luân phiên của ASEAN năm 2010, Ủy viên không thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008-2009..., tham gia giải quyết nhiều vấn đề lớn của thế giới và khu vực. Với những đóng góp tích cực, đầy tinh thần trách nhiệm và mang tính xây dựng (đặc biệt sáng kiến của Việt Nam

về “Xây dựng niềm tin chiến lược” tại Diễn đàn an ninh Shangrila (2014), tiếng nói của Việt Nam được cộng đồng quốc tế coi trọng, lắng nghe, qua đó không ngừng nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế.

Trong bối cảnh tình hình thế giới chuyển biến nhanh và phức tạp, Việt Nam tiếp tục hội nhập quốc tế sâu rộng, chủ động tạo môi trường hòa bình, cùng có vững chắc an ninh, quốc phòng, tranh thủ các điều kiện thuận lợi để phát triển, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế. Những thông điệp chính sách mạnh mẽ của lãnh đạo cấp cao về hòa bình, phát triển, thượng tôn luật pháp... tại các diễn đàn đa phương để lại dấu ấn đậm nét về một Việt Nam là thành viên trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Việt Nam chủ động tham gia hợp tác quốc phòng trong khuôn khổ ASEAN, đóng góp vào các tiến trình xây dựng lòng tin ở khu vực. Năm 2014, Việt Nam lần đầu tổ chức Diễn đàn biển ASEAN và Diễn đàn biển ASEAN với các đối tác tại Đà Nẵng, góp phần xây dựng lòng tin, thúc đẩy hợp tác và định hình “luật chơi” trên biển. Luôn là một trong những nước đi đầu thúc đẩy thực thi DOC và xây dựng Bộ quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC), Việt Nam đã đẩy mạnh việc triển khai các biện pháp thu hoạch sớm như sử dụng “đường dây nóng” ở Biển Đông, thúc đẩy hợp tác cứu trợ cứu nạn như trong vụ máy bay MH370 của Malaixia bị mất tích. Sáng kiến tăng cường vai trò hải quân ASEAN được Việt Nam đưa ra tại Hội nghị Tư lệnh hải quân ASEAN lần thứ tám (8-2014) cũng được các nước ASEAN đánh giá cao.

3. Một số kinh nghiệm chủ yếu

Thứ nhất, mục tiêu hàng đầu của đối ngoại là vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Đây là vấn đề có tính nguyên tắc. Đặt lên hàng đầu lợi ích quốc gia, dân tộc với mục tiêu chiến lược là giữ vững

độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ XHCN trong sự kết hợp chặt chẽ với nhiệm vụ tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi nhất cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Thứ hai, kết hợp hài hòa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, dân tộc với quốc tế. Trong sự kết hợp này, sức mạnh dân tộc giữ vai trò quyết định, được thể hiện ở sức mạnh tổng hợp cả về vật chất lẫn tinh thần. Đó là: sự phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả và bền vững; sức mạnh quốc phòng toàn dân ngày càng hiện đại đáp ứng được yêu cầu của bảo vệ Tổ quốc; sự ổn định chính trị - xã hội vững chắc; bản sắc văn hóa dân tộc được bảo vệ và phát huy; sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc được củng cố và tăng cường.

Thứ ba, giữ vững độc lập, tự chủ đi đôi với hội nhập quốc tế. Kinh nghiệm lịch sử của cách mạng Việt Nam cho thấy rằng, chỉ có thể thực hiện thắng lợi những mục tiêu, nhiệm vụ của cách mạng khi Đảng và Nhà nước ta kiên định tinh thần độc lập, tự chủ, tự mình quyết định công việc của mình. Tuy nhiên, trong bối cảnh thế giới ngày nay, khi hòa bình, hợp tác, phát triển trở thành xu thế lớn và trước tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại và toàn cầu hóa, độc lập tự chủ không có nghĩa là đóng cửa với bên ngoài mà trái lại phải coi trọng và tranh thủ sự đoàn kết, ủng hộ và giúp đỡ của bạn bè quốc tế, thực hiện chính sách ngoại giao rộng mở, thêm bạn bớt thù, không đi với nước này chống lại nước kia, không tham gia các liên minh gây đối đầu, căng thẳng.

Thứ tư, kiên định về nguyên tắc chiến lược nhưng mềm dẻo, cơ động, linh hoạt, sáng tạo trong xử lý tình huống theo tinh thần “dĩ bất biến, ứng vạn biến”. Nguyên tắc cơ bản, xuyên suốt, bao trùm có tính nguyên tắc trong đường lối đối

ngoại của Đảng và Nhà nước ta là hòa bình, độc lập, thống nhất và CNXH; đồng thời, phải sáng tạo, năng động, linh hoạt trong xử lý các tình huống, phù hợp với hoàn cảnh cụ thể, với vị trí của Việt Nam cũng như diễn biến của tình hình thế giới và khu vực, phù hợp với đặc điểm của từng đối tác. Trong xử lý tình huống, cần ba tránh: tránh bị cô lập; tránh xung đột; tránh đối đầu. Trên cơ sở nguyên tắc này, cần thấy rõ những luận điệu quá khích nhằm kích động, tiến hành các hoạt động liên quan đến việc xử lý các vấn đề trong quan hệ giữa Việt Nam với các nước (đặc biệt về chủ quyền biển đảo, biên giới lãnh thổ) để gây chia rẽ nội bộ, làm mất ổn định chính trị - xã hội của đất nước.

Thứ năm, triển khai hoạt động đối ngoại một cách toàn diện. Trong thế giới ngày nay, quá trình toàn cầu hóa tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội. Do đó, hoạt động đối ngoại sẽ diễn ra trên mọi lĩnh vực và đòi hỏi có sự phối hợp chặt chẽ giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và ngoại giao nhân dân nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp trên mặt trận đối ngoại dưới sự lãnh đạo trực tiếp, thống nhất của Đảng và sự quản lý tập trung của Nhà nước.

1. Hồ Chí Minh Toàn tập. Nxb CTQG, H, 2011, T.4, tr. 523

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb ST, H, 1986, tr. 546

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb ST, H, 1991, tr. 146

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb CTQG, H, 2001, tr. 119

5. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb CTQG, H, 2006, tr. 235-236

6. Theo Báo Nhân dân, số ra ngày 11-4-2013, Bộ Chính trị: “Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10-4-2013 về Hội nhập quốc tế”.